

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/DS-PT
Ngày: 05-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lưu Thủy Hà G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số C ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Mai Thanh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

3.2. Công ty TNHH một thành viên M.

Địa chỉ: Số A Lô I, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Mai Thanh T, chức vụ Giám đốc.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Mai Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thủy Hà G trình bày:

Ông Mai Thanh T vay của bà G nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

Ngày 02/12/2018, ông T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 3 tháng. Việc vay tiền được lập bằng “Giấy mượn tiền” ngày 02/12/2018 do ông T tự viết, có ông T và vợ là Trần Thị Thanh T1 ký tên. Theo “Giấy mượn tiền” thì hai bên không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng là lãi suất 4%/tháng. Sau khi vay tiền thì ông T có thanh toán được 06 tháng tiền lãi thì ngưng không trả lãi và cũng không trả gốc. Bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông T hèn lãn không trả.

Ngày 28/02/2021, ông T vay thêm 450.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, không lãi suất. Ông T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 do ông Mai Thanh T đứng tên đối với thửa đất 575, diện tích 1.830m² (trong đó có 300m² đất ở và 1.530m² đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 7, tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Do khoản vay trước đó chưa có giấy tờ bảo đảm nên khi ông T đề nghị vay thêm để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà tiếp tục cho ông T vay tiếp số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi đến hạn thanh toán, bà đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nhưng không được.

Bà G không đồng ý với lời trình bày của ông T về việc đã trả lãi từ khi vay đến tháng 5/2021 với tổng số tiền 1.178.000.000 đồng. Các phiếu nộp tiền ông T cung cấp không phải trả tiền lãi mà trả cho những lần mượn tiền riêng không có giấy tờ.

Bà thừa nhận có nhận ủy quyền của Công ty TNHH MTV M bán 02 xe Rơ Moóc biển số 62R-001.19 và 62R-004.69 và giữa bà với công ty TNHH MTV M đã thỏa thuận với nhau, không liên quan đến khoản vay này nên yêu cầu không giải quyết đối với các tài sản này trong vụ án. Đối với xe đầu kéo biển số 62C-08678 bà không lấy bán như ông T trình bày.

Tại đơn khởi kiện, bà G yêu cầu ông Mai Thanh T trả cho bà tổng số tiền 1.450.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi tiếp. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/8/2023, bà G yêu cầu bà Trần Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới cùng ông Mai Thanh T trả tiền cho bà. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2023 và tại phiên tòa, bà G xác định chỉ yêu cầu ông T trả tiền, không yêu cầu bà T1 có trách nhiệm liên đới.

2. Bị đơn ông Mai Thanh T trình bày:

Ông có vay của bà G tổng cộng 02 lần tiền, cụ thể:

Lần 1: Vay 1.000.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 02/12/2018, giấy vay không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế có tính lãi 4%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng (nhưng thực tế trả đủ lãi thì gia hạn thời hạn trả gốc), mục đích vay để đầu tư mua bất động sản; ông đứng ra vay, vợ chỉ đi theo và ký tên trong giấy vay với tư cách người làm chứng chứ không phải ký tên với tư cách vay tiền.

Lần 2: Vay 450.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 28/02/2021, khoản vay không lãi suất, thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm nhưng thực tế bà G nói khi nào có tiền thì trả lại, mục đích khi vay trình bày với bà G là để mua xe nhưng thực tế là

đầu tư vào bất động sản. Ông có giao cho bà G 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 mang tên Mai Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/12/2019 đối với thửa đất 575, tờ bản đồ số 7, diện tích đất ở 300m² và diện tích đất trồng cây lâu năm 1530m², tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 02/12/2018 thì ông đã trả cho bà G nhiều lần từ ngày 02/01/2019 đến tháng 5/2021 tổng cộng 29 tháng, mỗi tháng trả 40.000.000 đồng với tổng số tiền là 1.178.000.000 đồng, trong đó giao tiền mặt trực tiếp là 825.000.000 đồng và chuyển khoản là 353.000.000 đồng. Đối với những lần giao tiền trực tiếp thì hai bên không lập thành văn bản nên ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông không nhớ chính xác ngày đóng lãi nên chỉ yêu cầu tính tổng nghĩa vụ gốc lãi ông phải trả cho bà G, trừ đi số tiền đã đóng, phần nghĩa vụ còn lại ông đồng ý trả. Ông yêu cầu bà G trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 mang tên Mai Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/12/2019 đối với thửa đất 575, tờ bản đồ số 7, diện tích đất ở 300m² và diện tích đất trồng cây lâu năm 1530m², tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Ông T đại diện Công ty TNHH MTV M ký hợp đồng ủy quyền cho bà G đối với 02 xe Rơ Moóc và bà G tự ý lấy 01 xe đầu kéo của Công ty. Tuy nhiên, ông chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông và bà G theo hai giấy vay ngày 02/12/2018 và ngày 28/02/2021. Đối với các tài sản là xe Rơ Moóc và đầu kéo thì ông đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này vì ông đang nộp đơn tố cáo tại Công an huyện B. Sau khi có kết quả giải quyết của cơ quan cảnh sát điều tra mà không thỏa đáng thì ông sẽ khởi kiện bà G về hợp đồng ủy quyền và lấy tài sản là xe đầu kéo biển số 60C-08678 nêu trên bằng một vụ án khác.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH một thành viên M do ông Mai Thanh T đại diện trình bày:
Công ty TNHH một thành viên M bàn giao và ký giấy ủy quyền 02 chiếc xe Rơ Moóc:

+ Xe Rơ Moóc, Sômi R nhãn hiệu K.R.N.G, biển số 62R-001.19 do Công ty TNHH một thành viên M đứng tên theo Giấy đăng ký số 000177 do Phòng C, Công an tỉnh L cấp ngày 05/4/2016. Xe này trước đây mua giá 300.000.000 đồng.

+ Xe Rơ Moóc, Sômi R nhãn hiệu DOOSUNG, biển số 62R-004.69 do Công ty TNHH một thành viên M đứng tên theo Giấy đăng ký số 000714 do Phòng C, Công an tỉnh L cấp ngày 07/6/2018. Xe này trước đây mua giá 850.000.000 đồng.

Ngoài ra bà G còn lấy 01 xe đầu kéo biển số 60C-08678, hiện nay bà G tự ý bán cho người khác mà không báo cho ông biết. Xe này trước đây mua giá 1.900.000.000 đồng.

Tổng giá trị 03 tài sản này tính đến nay cũng khoảng 1.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty không yêu cầu giải quyết gì đối với các tài sản và hợp đồng ủy quyền nêu trên. Sau khi có kết quả giải quyết của cơ quan cảnh sát điều tra mà không thỏa đáng thì Công ty sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

3.2. Bà Trần Thị Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn khởi

kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thủy Hà G đối với ông Mai Thanh T về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Mai Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thủy Hà G số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Mai Thanh T đối với bà Lưu Thủy Hà G về việc đòi trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lưu Thủy Hà G phải trả lại 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 mang tên Mai Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/12/2019 đối với thửa đất 575, tờ bản đồ số 7, diện tích đất ở 300m² và diện tích đất trồng cây lâu năm 1530m², tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp, bà Lưu Thủy Hà G không hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, thì ông Mai Thanh T có quyền liên hệ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông đại chúng 3.500.000 đồng, bà G tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Mai Thanh T phải chịu 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0010596 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, ông T còn phải nộp tiếp 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Buộc bà Lưu Thủy Hà G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ 27.750.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0009997 ngày 02/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, hoàn trả cho bà G 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2023 bị đơn ông Mai Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mai Thanh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn số tiền 272.000.000 đồng vì bị đơn đã trả tiền gốc cho nguyên đơn 1.178.000.000 đồng, trong đó 825.000.000 đồng trả tiền mặt làm nhiều lần, 353.000.000 đồng chuyển khoản qua ngân hàng.

Nguyên đơn bà Lưu Thủy Hà G không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 272.000.000 đồng vì bị đơn đã trả lãi nhiều lần được số tiền 1.178.000.000 đồng, trong đó trả tiền mặt trực tiếp là 825.000.000 đồng và chuyển khoản là 353.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả được số tiền 825.000.000 đồng, nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Đối với số tiền 353.000.000 đồng, mặc dù bà G khởi kiện ông T yêu cầu trả tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi nhưng hợp đồng vay giữa bà G và ông T là có lãi, số tiền 353.000.000 đồng ông T đã trả cho bà G thấp hơn rất nhiều lần số lãi ông T có trách nhiệm trả cho bà G (là 1.536.835.616 đồng theo như bản án sơ thẩm đã tính) cho nên yêu cầu khấu trừ số tiền trên vào vốn gốc của ông T là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Thanh T được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T1 và Công ty TNHH Một thành viên M do ông Mai Thanh T là người đại diện hợp pháp theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người có tên nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 02/12/2018, ông Mai Thanh T cùng vợ là bà Trần Thị Thanh T1 có vay của bà Lưu Thủy Hà G số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên thỏa thuận miện lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 28/02/2021 ông Mai Thanh T tiếp tục vay của bà Lưu Thủy Hà G số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, không thỏa thuận lãi suất. Ông T có giao cho bà G một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 do ông Mai Thanh T đứng tên đối với thửa đất số 575, diện tích 1.830m² (trong đó có 300m² đất ở và 1.530m² đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 7, tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh để làm tin. Hai bên có lập hai giấy mượn tiền do ông Mai Thanh T viết, mục đích vay tiền của ông T là để đầu tư mua bất động sản và mua ô tô. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ của hai hợp đồng vay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả vốn gốc và tiền lãi cho bà G là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay, không yêu cầu trả tiền lãi, đây là quyền định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 1.450.000.000 đồng tiền vốn gốc, bị đơn kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của ông Mai Thanh T chỉ đồng ý trả số tiền 272.000.000 đồng cho bà G vì bà G khởi kiện ông T chỉ yêu cầu trả tiền vốn gốc, không yêu cầu tính lãi nên ông T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm cân trừ tiền vốn gốc ông T đã trả cho bà G vào vốn vay, cụ thể: Ông T đã trả vốn gốc bằng tiền mặt cho bà G 825.000.000 đồng và 353.000.000 đồng trả qua Ngân hàng A bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình đối với số tiền 825.000.000 đồng, nguyên đơn không thừa nhận cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Đối với số tiền 353.000.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn qua hình thức nộp tiền tại Ngân hàng A, thấy rằng: Mặc dù nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, hợp đồng vay ngày 02/12/2018 hai bên có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng; hợp đồng vay ngày 28/02/2021 hai bên không có thỏa thuận lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự để tính lãi là phù hợp. Tổng số tiền lãi bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn của từng lần vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.536.835.616 đồng, nhiều hơn số tiền bị đơn yêu cầu cân trừ vào vốn gốc. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Thanh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thủy Hà G đối với ông Mai Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Mai Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thủy Hà G số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Mai Thanh T đối với bà Lưu Thủy Hà G về việc đòi trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lưu Thủy Hà G phải trả lại 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 719339 mang tên Mai Thanh T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 04/12/2019 đối với thửa đất 575, tờ bản đồ số 7, diện tích đất ở 300m² và diện tích đất trồng cây lâu năm 1530m² tại ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bà Lưu Thủy Hà G không hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thì ông Mai Thanh T có quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông đại chúng là 3.500.000 đồng, bà G tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Mai Thanh T phải chịu 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0010596 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, ông T còn phải nộp tiếp số tiền 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Buộc bà Lưu Thủy Hà G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ 27.750.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0009997 ngày 02/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Hoàn trả cho bà G 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006779 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc Nguyễn Văn Phương

Đinh Thị Ngọc Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn Nguyễn Văn Thu

Đinh Thị Ngọc Yến